

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2026/HSST

Ngày: 06 / 02 / 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Hoài Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga và bà Nguyễn Thị Hồng Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Viết Tùng – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Việt Thái và bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2026/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Hồng Q, giới tính: Nam; sinh ngày 23/3/1979, tại Thanh Hoá; nơi cư trú: Tổ dân phố 03, (phường Đ cũ) phường H, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 038079028085; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị khai trừ Đảng); có bố là Lê Tiến L và mẹ là Hoàng Thị G (đã chết); có vợ là Lý Thị Thu H và 02 con (lớn 18 tuổi, nhỏ 12 tuổi). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị giam giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 19/12/2025. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị Thu H; sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 03, (phường Đ, thành phố Hoà Bình cũ) phường H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

2. Bà Lý Thị Hương T; sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn V, xã C, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

3. Ông Lý Văn T; sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Vĩnh Thái, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

4. Bà Lưu Thị Q; sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Ngọc Bồ, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Chu Hồng S; sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ Ngọc 2, phường H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.
2. Bà Trần Thị M; sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ Ngọc 2, phường H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị Phương T; sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ 12, phường T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.
4. Bà Bùi Thị H; sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 8, phường T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2025, Lê Hồng Q đăng kí thành lập Hợp tác xã sản xuất, thương mại, dịch vụ nông nghiệp Green Faster (Hợp tác xã) có địa chỉ chính tại số 25, tổ dân phố Ngọc 2, phường Hoà Bình. Hợp tác xã có 5 thành viên, gồm: Q, Lý Thị Thu Hà (vợ Q), Lưu Thị Quỳnh (em dâu họ Q), Lý Thị Hương Thuỷ (chị vợ Q), Lý Văn Trung (anh vợ Q); trong đó Q là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Hợp tác xã, những người khác được Q mượn căn cước công dân để hợp thức hoá việc đăng ký hoạt động, không góp vốn và tham gia các hoạt động của Hợp tác xã. Quá trình hoạt động, Q thuê 3 lao động để thực hiện các công việc khác nhau theo sự chỉ đạo của Q, gồm: anh Chu Hồng Sơn làm nhiệm vụ pha chế các chai dung dịch theo công thức do Q hướng dẫn; chị Trần Thị May làm công việc dán nhãn sản phẩm, đóng gói và giao hàng cho đơn vị vận chuyển; chị Nguyễn Thị Phương Thanh làm nhiệm vụ bán hàng livestream qua sàn thương mại Tiktok tại nhà Q.

Để sản xuất, Q đã liên hệ qua điện thoại mua dung dịch bifenstar 10SC của Công ty cổ phần khử trùng Việt Nam (phường Định Công, Hà Nội) và mua hương Neroli Mod của Công ty TNHH Peroma Việt Nam (xã Cần Giuộc, Tây Ninh) để pha 3 loại chế phẩm: chế phẩm đặc trị rệp trên cây cảnh Faster Green life; đặc trị kiến 3 khoang, gián đực Faster Green life; chế phẩm diệt muỗi, kiến, gián, ruồi Faster siêu nhanh – siêu sạch. Các chế phẩm trên đều sử dụng chung một công thức pha chế, hoà tan như sau: 3 lít dung dịch bifenstar 10SC, 600ml hương liệu tổng hợp Neroli Mod và 200 lít nước hoà trộn với nhau trong thùng phi có các đầu vòi để chiết xuất đóng chai, mỗi chai chứa 500ml dung dịch đã pha chế, được dán tem nhãn với nội dung thành phần “pyrethrins chiết xuất từ cúc họa mi; Dung môi sinh học; Hương liệu”.

Việc pha chế, chiết xuất do anh Sơn thực hiện tại nhà anh Sơn theo hướng dẫn của Q; quá trình làm việc, anh Sơn có thuê chị Bùi Thị Hằng giúp vận nắp chai thành phẩm, đóng vào các thùng carton, mỗi thùng chứa từ 36 đến 70 chai chưa dán nhãn. Hàng ngày, Q đến nhà anh Sơn thu gom, chuyển đến khu dán nhãn và đóng gói tại số

25, tổ Ngọc 2, phường Hoà Bình, Phú Thọ (do Q thuê và thanh toán qua chị May). Tại đây, chị May dán nhãn lên các chai dung dịch mà Q chuyển đến, đóng gói, dán mã vận đơn và chuyển cho nhân viên của các đơn vị vận chuyển. Còn tại nhà Q, Q thuê chị Thanh livestream bán hàng trên sàn thương mại tiktok. Với mỗi đơn hàng trực tuyến, Q in đơn hàng (mã vận đơn, phiếu mua hàng của khách qua sàn tiktok và shopee) rồi mang đến để chị May dán vào các hộp gói hàng đã được đóng sẵn và giao cho các đơn vị vận chuyển.

Ngày 04/8/2025, Q đã tự công bố sản phẩm của Hợp tác xã với thành phần bifenthrin, không phải thành phần pyrethrins như ghi trên nhãn mác.

Ngày 07/8/2025, Công an phường Hoà Bình, tỉnh Phú Thọ tiến hành kiểm tra đột xuất đối với Hợp tác xã sản xuất, thương mại, dịch vụ nông nghiệp Green Faster đã phát hiện: Hợp tác xã chưa có hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất chế phẩm; chưa được cấp số đăng ký lưu hành sản phẩm tại Việt Nam của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chưa thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm. Quá trình kiểm tra, đã thu giữ 3.117 chai chế phẩm diệt côn trùng cùng nhiều tang vật vi phạm khác.

Bản kết luận giám định số 6138/KL-KTHS ngày 15/8/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “ Trong chai nhựa màu trắng có dán nhãn “chế phẩm đặc trị rệp trên cây cảnh faster green life” kí hiệu MS01; chai nhựa màu trắng có dán nhãn “đặc trị kiến 3 khoang, gián đực Faster Green life” kí hiệu MS03 và chai nhựa màu trắng có dán nhãn “chế phẩm diệt muỗi, kiến, gián, ruồi Faster siêu nhanh – siêu sạch” kí hiệu MS04 gửi giám định đều có tìm thấy thành phần bifenthrin (bifenthrin là thuốc trừ sâu nhóm pyrethroid). Ngoài ra đều không tìm thấy thành phần pyrethrín như trên nhãn ghi”.

Bản kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường Hoà Bình kết luận: “2.669 chai (500ml) chế phẩm đặc trị rệp trên cây cảnh thảo mộc faster green life trị giá 45.373.000 đồng; 154 chai (500ml) chế phẩm diệt muỗi, kiến, gián, ruồi thảo mộc faster trị giá 2.618.000 đồng; 294 chai (500ml) chế phẩm đặc trị kiến 3 khoang, gián đực trị giá 4.998.000 đồng. Tổng trị giá các sản phẩm gửi định giá là 52.989.000 đồng”.

Văn bản số 392/TTBVTV-HCTH ngày 19/8/2025 của Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật – Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ “Qua tra cứu, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật không thấy có tên các sản phẩm chế phẩm đặc trị rệp trên cây cảnh; đặc trị kiến 3 khoang, gián đực; chế phẩm diệt muỗi, kiến, gián, ruồi trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024”

Văn bản số 874/SYT-NVD ngày 20/8/2025 của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ “Tính đến ngày 20/8/2025, Sở Y tế tỉnh Phú Thọ chưa tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện

sản xuất chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo quy định đối với Hợp tác xã sản xuất, thương mại, dịch vụ nông nghiệp Green Faster”

Văn bản số 63/TĐC-TCĐLCL ngày 22/8/2025 của Chi cục thiêu chuẩn đo lường chất lượng - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ “Qua kết quả rà soát, Hợp tác xã sản xuất, thương mại, dịch vụ nông nghiệp Green Faster không có hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn phát sinh tại cơ quan”.

Văn bản số 1251/PB-MTYT ngày 22/9/2025 của Cục Phòng bệnh - Bộ Y tế “Cục Phòng bệnh không cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành cho các chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế có tên “chế phẩm đặc trị rệp trên cây cảnh”; “đặc trị kiến 3 khoang, gián đực”; “chế phẩm diệt muỗi, kiến, gián, ruồi” cho đơn vị sản xuất, kinh doanh có tên gọi “Hợp tác xã sản xuất, thương mại, dịch vụ nông nghiệp Green Faster”

Cáo trạng số 51/CT-VKSKV12 ngày 23/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 truy tố Lê Hồng Q về tội Sản xuất hàng giả theo điểm a khoản 1 điều 192 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 điều 192; điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38; điều 65; khoản 2 điều 35; điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; đề xử phạt Lê Hồng Q từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo; phạt bổ sung từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng về tội Sản xuất hàng giả; đề nghị tịch thu tiêu hủy: 2.669 chai chế phẩm trị rệp; 294 chai chế phẩm đặc trị kiến; 154 chế phẩm diệt côn trùng; 01 chai chế phẩm diệt muỗi, ruồi, kiến, gián dán nhãn bifenstar 10SC; 01 thùng giấy carton bên trong đựng 32 chai nhựa ngoài vỏ dán chữ bifenstar 10SC; 24 thùng carton chứa các chai dung dịch loại 500ml chưa dán nhãn; 44 chai chế phẩm diệt sâu thảo mộc; 01 thùng giấy carton đựng nhãn mác các loại; 02 bộ dụng cụ chiết rót tự chế; 01 can nhựa dán nhãn hương Neroli mod; đề nghị trả lại cho chủ sở hữu: 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 28A-349.61 cùng đăng kí xe.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện liên quan đến hành vi của các bị cáo bị truy cứu trách nhiệm trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị cáo đã thực hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, những người làm chứng, phù hợp với nội dung các kết luận giám định, vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận Bị cáo đã thực hiện hành vi như cáo trạng đã truy tố, với số lượng hàng hoá giả sản xuất và thu giữ được theo Kết luận định giá tài sản có tổng trị giá 52.989.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước về kinh tế; xâm phạm lợi ích, tính mạng, sức khoẻ của người tiêu dùng; quyền được bảo hộ về sở hữu trí tuệ, kinh doanh đúng đắn của các doanh nghiệp, các nhà sản xuất.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được việc pha trộn, đóng gói làm ra hàng hóa giả để bán ra thị trường là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, thu lời bất chính nên vẫn cố tình thực hiện.

Hành vi của Bị cáo đủ căn cứ để xét xử về tội sản xuất hàng giả theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 192 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi của mình; người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác; có bố là người có công với đất nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện cần có hình phạt tù tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt; lần đầu bị truy tố, xét xử; có nơi cư trú rõ ràng do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là cần thiết.

[4] Về xử lý vật chứng

- Số hàng giả bị thu giữ, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ.
- Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 28A-349.61 và 01 đăng kí xe ô tô không liên quan đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu.
- Đối với Lý Thị Thu Hà là vợ bị cáo có thực hiện một số hoạt động theo chỉ đạo của Q, tuy nhiên Hà không biết việc Q sản xuất hàng giả, không được bàn bạc về việc Q làm, quá trình điều tra xác định Hà không liên quan đến hành vi phạm tội của bị

cáo và không bị đề nghị truy cứu trách nhiệm do đó Toà không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Đối với Lý Thị Hương Thủy, Lý Quang Trung, Lưu Thị Quỳnh là người đứng tên thành viên hợp tác xã, quá trình điều tra xác định không tham gia, không hưởng lợi, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không đề cập xử lý.

- Đối với Chu Hồng Sơn, Trần Thị May, Nguyễn Thị Phương Thanh và Bùi Thị Hằng, quá trình điều tra xác định được làm một số công việc theo chỉ đạo của Q, không biết việc Q sản xuất hàng giả, không liên quan đến hành vi phạm tội do đó không xem xét xử lý.

- Đối với số hàng hoá mà Q đã bán qua sàn thương mại điện tử, quá trình điều tra không thu giữ, thu hồi được sản phẩm từ đó không có cơ sở giám định, không xác định được chất lượng sản phẩm, không xác định được số tiền thu lời do đó không có căn cứ kết luận được là hàng giả, không được đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự nên Toà không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1, khoản 4 điều 192, điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38; điều 65; khoản 2 điều 35; điều 47 của Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Tuyên bố:* Lê Hồng Q phạm tội Sản xuất hàng giả

2. *Xử phạt:* **Lê Hồng Q:** 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao Lê Hồng Q cho Ủy ban nhân dân phường Hoà Bình, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt của bản án trước theo quy định tại Điều 55, 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Phạt bổ sung Lê Hồng Q 40.000.000 đồng.

4. *Về xử lý vật chứng:*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 can nhựa dán nhãn hương Neroli mod; 2.669 chai chế phẩm trị rệp; 294 chai chế phẩm đặc trị kiến; 154 chế phẩm diệt côn trùng; 01 chai chế phẩm diệt muỗi, ruồi, kiến, gián dán nhãn bifenstar 10SC; 01 thùng giấy carton bên trong đựng 32 chai nhựa ngoài vỏ dán chữ bifenstar 10SC; 24 thùng carton chứa các chai dung dịch loại 500ml chưa dán nhãn; 44 chai chế phẩm diệt sâu thảo mộc; 01 thùng giấy carton đựng nhãn mác các loại; 02 bộ dụng cụ chiết rót tự chế.

- Trả lại cho Lê Hồng Q: 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 28A-349.61 và 01 đăng kí xe ô tô biển kiểm soát 28A-349.61.

(các vật chứng và chiếc xe ô tô trên đang lưu giữ tại Thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ, có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số 35/BB-GNVC ngày 29/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12; chiếc đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 28A-349.61 đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

- Về án phí: Bị cáo Lê Hồng Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- VKSND khu vực 12-PT;
- Phòng PV 06 CA tỉnh PT;
- CQ THA HS – CA tỉnh PT;
- THA DS tỉnh PT;
- UBND phường Hoà Bình;
- Bị cáo;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nghiêm Hoài Anh